

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BẾN TRE**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 296/2020/DS-PT
Ngày 02 - 11 - 2020
Về việc: “Tranh chấp hợp đồng
góp hui”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẾN TRE**

- Thành phần hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Văn Ngọt
Các Thẩm phán: Ông Bùi Thế Xương
Bà Nguyễn Thị Ngọc Hương

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Trúc Duyên – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Tú - Kiểm sát viên.

Ngày 02 tháng 11 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 255/2020/TLPT-DS ngày 12 tháng 10 năm 2020 về việc “Tranh chấp hợp đồng góp hui”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 30/2020/DS-ST ngày 08/7/2020 của Tòa án nhân dân huyện M bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 217/2020/QĐPT – DS ngày 12 tháng 10 năm 2020 giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** chị Lê Thị L, sinh năm 1979.

Địa chỉ: Ấp T, xã C, huyện M, tỉnh Bến Tre.

Người đại diện theo ủy quyền của chị L: anh Nguyễn Thanh H, sinh 1993; địa chỉ: ấp C, xã H, huyện M, tỉnh Bến Tre.

- **Bị đơn:** chị Lê Thị H, sinh 1973.

Địa chỉ: Ấp P, xã C, huyện M, tỉnh Bến Tre.

- **Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:** anh Đào Công P, sinh 1970.

Địa chỉ: Ấp P, xã C, huyện M, tỉnh Bến Tre.

Các đương sự có mặt tại phiên tòa.

Người kháng cáo: Bị đơn chị Lê Thị H.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo bản án sơ thẩm,

Theo đơn khởi kiện và tại phiên tòa, anh Nguyễn Thanh H (là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn chị Lê Thị L) trình bày:

Vào các năm 2017, 2018 chị Lê Thị L có tham gia vô hội tổng cộng 04 dây hội do chị Lê Thị H làm chủ, cụ thể như sau:

+ Dây 1: Mở ngày 09/11/2017AL, hội 5.000.000 đồng, có 21 phần, chị L tham gia 01 phần, mỗi tháng khai một lần, chị L đã đóng được 11 tháng hội sống. Đến ngày 04/11/2018, chị H vỡ hội nhưng không trả tiền lại cho chị L

+ Dây thứ 2: Mở ngày 10/12/2017, hội 2.000.000 đồng, có 21 phần, chị L tham gia 01 phần, mỗi tháng khai một lần, chị L đã đóng được 10 tháng hội sống. Ngày 04/11/2018, chị H vỡ hội.

+ Dây thứ 3: Mở ngày 16/6/2017, hội 5.000.000 đồng, có 21 phần, chị L tham gia 01 phần, mỗi tháng khai một lần, chị L đã đóng được 16 tháng hội sống. Ngày 04/11/2018, chị H vỡ hội.

+ Dây thứ 4: Mở ngày 04/7/2018, hội 2.000.000 đồng, có 25 phần, chị L tham gia 02 phần, mỗi tháng khai một lần, chị L đã đóng được 03 tháng hội sống. Ngày 04/11/2018, chị H vỡ hội.

Tổng cộng 04 dây hội nêu trên, chị L đã đóng được 85.820.000 đồng. Ngày 04/11/2018 chị H đã vỡ hội và từ đó đến nay không trả lại vốn gốc cho chị L. Việc chị H tổ chức chơi hội thì anh Phú (chồng chị H) đều biết, nên chị L yêu cầu chị H và anh P liên đới trả cho chị L số tiền hội vốn là 85.820.000 đồng và yêu cầu tính lãi từ ngày 02/11/2019 đến ngày 02/5/2020 là 06 tháng theo mức lãi suất 0,83%/tháng. Đối với số tiền thừa còn lại theo đơn khởi kiện nguyên đơn xin rút lại yêu cầu.

Bị đơn là chị Lê Thị H trình bày: chị thừa nhận có tham gia 04 dây hội do chị Lê Thị L làm chủ hội và chị còn nợ tiền hội sống như trình bày của người đại diện phía nguyên đơn. Việc chơi hội chỉ có một mình chị tham gia, chồng chị không có tham gia nhưng có biết việc chị tổ chức dây hội, mục đích tổ chức dây hội là để hưởng tiền hoa hồng nhằm trang trải cuộc sống trong gia đình. Nay chị đồng ý trả cho bà L số tiền vốn gốc 85.820.000 đồng, phần lãi suất xin không trả và không đồng ý yêu cầu chồng chị liên đới trả.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là anh Đào Công P vắng mặt nhưng tại biên bản lấy lời khai ngày 24/6/2020, anh Phú có lời trình bày như sau: anh là chồng của chị H, việc vợ anh tổ chức dây hội thì anh không có tham gia, nhưng anh có biết. Nay chị L yêu cầu anh liên đới cùng chị H trả số tiền hội vốn 85.820.000 đồng và tiền lãi suất thì anh không đồng ý.

Do hòa giải không thành, Tòa án nhân dân huyện M đưa vụ án ra xét xử. Tại bản án dân sự sơ thẩm số 30/2020/DS-ST ngày 08/7/2020 đã tuyên như sau:

Áp dụng điều 357, 471 Bộ luật dân sự năm 2015. Điều 37 Luật Hôn nhân và gia đình.

Áp dụng khoản 2 Điều 26 nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Lê Thị L. Buộc chị Lê Thị H, anh Đào Công P liên đới trả cho chị Lê Thị L số tiền hui 90.093.000 đồng (trong đó vốn gốc 85.820.000 đồng, lãi suất 4.273.000 đồng).

Đình chỉ xét xử yêu cầu của nguyên đơn đối với số tiền hui vốn gốc còn lại theo đơn khởi kiện là 49.180.000 đồng.

Kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật, khi có đơn yêu cầu thi hành án của chị L. Nếu chị H, anh P chưa thi hành xong các khoản tiền phải thi hành án thì còn phải chịu tiền lãi theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

Ngoài ra bản án còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 21/7/2020, bị đơn chị Lê Thị H có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm: chị không đồng ý cùng anh Đào Công P liên đới trả cho chị Lê Thị L số tiền hui 90.093.000 đồng (trong đó vốn gốc 85.820.000 đồng, lãi suất 4.273.000 đồng), chỉ đồng ý một mình chị trả cho bà L số tiền vốn gốc 85.820.000 đồng, không đồng ý trả tiền lãi suất.

Tại phiên tòa phúc thẩm

Bị đơn chị Lê Thị H vẫn giữ nguyên nội dung kháng cáo.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn anh Nguyễn Thanh H không đồng ý yêu cầu kháng cáo của bị đơn và đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bị đơn, giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 30/2020/DS-ST ngày 08/7/2020 của Tòa án nhân dân huyện M.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Hội đồng xét xử, người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Về nội dung: Tòa án cấp sơ thẩm buộc chị H, anh P liên đới trả cho chị L số tiền hui vốn 85.820.000 đồng và tiền lãi suất 4.273.000 đồng là có căn cứ, phù hợp với quy định tại Điều 27 và Điều 37 luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 và quy định tại Điều 22 Nghị định số 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính Phủ về hộ, hui, biên, phường. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, tuyên xử theo hướng: Không chấp nhận kháng cáo của chị H, giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 30/2020/DS-ST ngày 08/7/2020 của Tòa án nhân dân huyện M.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng. Xét kháng cáo của bị đơn chị Lê Thị H và đề nghị của Kiểm sát viên đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Chị Lê Thị L khởi kiện yêu cầu chị Lê Thị H, anh Đào Công P (chồng chị H) phải liên đới trả cho chị L số tiền hội sống của 04 dây hội là 85.820.000 đồng và yêu cầu tính lãi từ ngày 02/11/2019 đến ngày 02/5/2020 tổng cộng 06 tháng với mức lãi suất 0,83%/tháng. Tại phiên tòa phúc thẩm, chị H thừa nhận có tham gia hội viên trong 04 dây hội do chị L làm chủ hội và còn nợ chị L số tiền hội nêu trên. Đây là tình tiết sự kiện không cần phải chứng minh và chị H cũng đồng ý trả số tiền hội vốn cho chị L.

[2] Xét kháng cáo của chị Lê Thị H không đồng ý việc Tòa án cấp sơ thẩm tuyên xử buộc anh P liên đới cùng chị trả số tiền 90.093.000 đồng (trong đó vốn gốc 85.820.000 đồng, lãi suất 4.273.000 đồng). Chị H chỉ đồng ý một mình trả cho chị L số tiền vốn gốc 85.820.000 đồng. Xét thấy, tại phiên tòa chị H thừa nhận việc tổ chức các dây hội chỉ có một mình chị tham gia với bà L, chồng chị không có tham gia nhưng có biết việc chị tổ chức các dây hội, mục đích chị tổ chức dây hội là để hưởng tiền hoa hồng nhằm trang trải cuộc sống trong gia đình. Theo khoản 2 Điều 27 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: “...2. Vợ, chồng chịu trách nhiệm liên đới về các nghĩa vụ quy định tại Điều 37 của Luật này” và Điều 37 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định vợ chồng có nghĩa vụ chung về tài sản nếu thuộc trong trường hợp sau đây: “...2. Nghĩa vụ do vợ hoặc chồng thực hiện nhằm đáp ứng nhu cầu thiết yếu của gia đình...”. Vì vậy, kháng cáo phần này của chị Lê Thị H không có căn cứ chấp nhận.

[3] Xét kháng cáo của chị H không đồng ý trả tiền lãi suất 4.273.000 đồng = (85.820.000đồng x 06 tháng x 0,83%/tháng). Hội đồng xét xử nhận thấy chị H đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ từ ngày 04/11/2018, nhưng nguyên đơn chỉ yêu cầu trả lãi từ 02/11/2019 đến ngày 02/5/2020 với mức lãi suất 0,83%/tháng là có lợi cho chị H, đồng thời số tiền lãi mà Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết nêu trên là đúng theo quy định tại Điều 22 của Nghị định số 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ về hộ, hội, biểu, phường, nên kháng cáo phần này của chị H cũng không có căn cứ chấp nhận.

[4] Nhận thấy, Tòa cấp sơ thẩm chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị L, buộc anh P và chị H phải liên đới trả cho chị L số tiền 90.093.000 đồng (trong đó vốn gốc 85.820.000 đồng, lãi suất 4.273.000 đồng) là có căn cứ. Chị H kháng cáo nhưng không có chứng cứ gì mới chứng minh cho yêu cầu kháng cáo của chị nên kháng cáo không có cơ sở chấp nhận.

[5] Quan điểm của Kiểm sát viên đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[6] Từ những nhận định nêu trên, Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bị đơn chị Lê Thị H. Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 30/2020/DSST ngày 8/7/2020 của Tòa án nhân huyện M, tỉnh Bến Tre.

[7] Về án phí dân sự phúc thẩm: Do kháng cáo không được chấp nhận, nên chị Lê Thị H phải chịu án phí phúc thẩm theo quy định tại Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Không chấp nhận kháng cáo của chị Lê Thị H.

Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 30/2020/DS-ST ngày 08/7/2020 của Tòa án nhân huyện M, tỉnh Bến Tre.

Căn cứ vào các Điều 463, 466, 468 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 27 và Điều 37 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 22 của Nghị định số 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ về họ, họ, biếu, phường;

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Lê Thị L.

Buộc chị Lê Thị H, anh Đào Công P phải liên đới trả cho chị Lê Thị L số tiền hụi 90.093.000 đồng (chín mươi triệu không trăm chín mươi ba nghìn đồng) (trong đó: tiền vốn gốc là 85.820.000 đồng và tiền lãi suất là 4.273.000 đồng).

Đình chỉ xét xử yêu cầu của nguyên đơn chị Lê Thị L đối với số tiền hội vốn còn lại theo đơn khởi kiện 49.180.000 đồng.

Kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật, khi có đơn yêu cầu thi hành án của chị Lê Thị L. Nếu chị Lê Thị H, anh Đào Công P chưa thi hành xong các khoản tiền phải thi hành án nêu trên thì phải chịu tiền lãi theo quy định tại Khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

2. Án phí dân sự sơ thẩm:

2.1. Chị Lê Thị H, anh Đào Công P phải liên đới chịu 4.505.000đ (Bốn triệu năm trăm lẻ năm nghìn đồng).

2.2. Hoàn trả cho chị Lê Thị L số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 3.543.000 (ba triệu năm trăm bốn mươi ba nghìn đồng) theo biên lai thu số 0010501 ngày 28/5/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện M, tỉnh Bến Tre

3. Án phí dân sự phúc thẩm:

Chị Lê Thị H phải chịu án phí dân sự phúc thẩm là 300.000 đ (Ba trăm nghìn đồng) nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0002014 ngày 21/7/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện M, tỉnh Bến Tre.

Trường hợp bản án được thi hành theo Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự;

thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Bến Tre;
- TAND huyện M;
- Chi cục THA huyện M;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

(Đã ký)

Phạm văn Ngọt